

# MỘT SỐ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT NỔI BẬT TRONG TIỂU THUYẾT *RỪNG NA-UY* CỦA HARUKI MURAKAMI

**Đặng Hoàng Yến**

*Trường Đại học Quảng Bình*

**Tóm tắt.** *Bằng cảm quan nghệ thuật của một nhà văn hiện đại, Murakami đã đưa vào “Rừng Na-uy” những kỹ thuật sáng tác tiên tiến Tây phương với sự góp mặt của thủ pháp dòng ý thức, độc thoại nội tâm, cắt dán, ghép mảnh, các yếu tố huyền ảo, những biểu tượng, ẩn dụ mang bút pháp hậu hiện đại ... Chính những thủ pháp nghệ thuật này đã trở thành phương tiện đắc dụng giúp tác giả khai thác sâu đời sống nội tâm phức tạp, đầy tế vi của nhân vật.*

**Từ khóa:** *Haruki Murakami, Rừng Na-uy, hậu hiện đại.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm trở lại đây, văn học Nhật Bản liên tiếp “gây bão” tại Châu Á và một số quốc gia trên thế giới bởi một hiện tượng văn học độc đáo, hiện đại mang tên Haruki Murakami. Đây là cái tên được nhắc đến nhiều nhất của nền văn học Nhật Bản nửa cuối thế kỉ XX với các sáng tác tiêu biểu như *Kafka bên bờ biển*, *1Q84*, *Tazaki Tsukuru không màu và những năm tháng hành hương*... Cùng với Kawabata, Oe Kenzaburo, Murakami đã đưa tầm ảnh hưởng của văn chương xứ sở mặt trời mọc ra khỏi phạm vi đất nước, đồng thời giúp độc giả thế giới có thể chạm tới cánh cửa thần kỳ của nền văn hóa, văn học nổi tiếng khép kín này. Tác phẩm của ông giúp người đọc có cái nhìn toàn diện, sâu sắc về bức tranh văn học đương đại cũng như khắc họa những cung bậc tinh tế, đầy màu sắc đời sống nội tâm của thế hệ thanh niên trước những mảnh vỡ của thời đại với một tình yêu con người sâu sắc, một tinh thần nhân đạo mạnh mẽ. Văn chương Murakami chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa, văn học phương Tây với việc vận dụng tối đa những thủ pháp nghệ thuật của chủ nghĩa hậu hiện đại như yếu tố huyền ảo, độc thoại nội tâm, thủ pháp dòng ý thức, ghép mảnh... Tên tuổi Murakami đã được biết đến như một nhà văn hậu hiện đại xuất sắc của Nhật Bản sau sự xuất hiện của *Rừng Na-uy*. Nếu như các tác phẩm trước đó chỉ đủ để người ta biết đến sự tồn tại của một Murakami trong nền văn chương đương đại Nhật Bản thì sự xuất hiện của *Rừng Na-uy* đã tạo nên một chấn động, giúp Murakami có tên trong danh sách những tác gia tầm cỡ thế giới. Điểm tạo nên thành công vang dội này đó chính là tác giả đã kế thừa và vận dụng linh hoạt những đặc sắc nghệ thuật của chủ nghĩa hậu hiện đại.

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Thủ pháp dòng ý thức với sự nói giã về không - thời gian

Dòng ý thức là một khái niệm được sử dụng trong văn học hiện đại nhằm chỉ “xu hướng sáng tạo văn học tái hiện trực tiếp đời sống nội tâm, những cảm xúc, liên tưởng ở

con người” [1; tr. 120]. Đây là một thủ pháp nghệ thuật đã được sử dụng khá nhiều trong văn học hiện đại với những tác phẩm tiêu biểu như *Đi tìm thời gian đã mất* (Marcel Proust), *Âm thanh và cuồng nộ* (William Faulkner), *Người đẹp say ngủ* (Kawabata), *Kim Các Tự* (Yukio Mishima)... Ở nước ta, văn học từ sau năm 1986, với sự tìm tòi và tiếp thu đầy sáng tạo của thế hệ nhà văn trẻ, thủ pháp dòng ý thức cũng đã xuất hiện trong văn xuôi với một số sáng tác tiêu biểu như *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh), *Và khi tro bụi* (Đoàn Minh Phượng) và một số sáng tác của Nguyễn Bình Phương... Không còn coi trọng những yếu tố bên ngoài như việc tập trung khai thác các sự kiện, diễn biến, tình huống, các xung đột kịch tính... kỹ thuật dòng ý thức chú trọng đến thế giới tinh thần vô cùng phong phú, phức tạp của con người. Đến văn học hậu hiện đại, thủ pháp dòng ý thức được nâng lên một tầm mới với sự đan xen phức tạp, đầy tế vi của đời sống nội tâm nhân vật. Biên độ phản ánh hiện thực cũng được mở rộng. Hiện thực không chỉ là cái tồn tại, hiện hữu trong biên độ không gian và thời gian hiện tại mà còn là cái tồn tại, hiện hữu trong cảm xúc, tâm trạng của con người. *Rừng Na-uy* với việc sử dụng hiệu quả thủ pháp dòng ý thức đã giúp không - thời gian được mở rộng, nói giãn đến mức tối đa làm xuất hiện nhiều kiểu không - thời gian khác nhau. Trước hết, đó là không- thời gian hiện thực. *Rừng Na-uy* của Murakami mở ra với không gian tại sân bay Hamburg thuộc CHLB Đức cùng với hình ảnh của một người đàn ông ba mươi bảy tuổi đang ngồi thắt chặt dây an toàn trên máy bay. Người đàn ông đó là Toru, nhân vật chính của câu chuyện, người sẽ làm nhiệm vụ dẫn dắt bạn đọc đến với những câu chuyện thời thanh niên của mình. Murakami đã không đặt nhân vật trong không gian hiện tại là nước Nhật - nơi chứng kiến sự trưởng thành của Toru đồng thời cũng là bối cảnh chính của câu chuyện, mà lại đặt nhân vật trong một không gian hoàn toàn xa lạ, không gian của nước Đức. Có lẽ bởi vì vị trí địa lý của nước Đức và nước Nhật đủ để tạo ra một khoảng cách cần thiết về mặt không gian để nhân vật hồi tưởng, đồng vọng về quá khứ. Trong không gian xa lạ cùng một thiên nhiên hoang lạnh với “những trận mưa tháng Mười một lạnh lẽo thấm đẫm mặt đất, khiến mọi vật ảm đạm như trong một bức tranh phong cảnh Hà Lan ngày xưa” [3; tr. 28], người đàn ông đó chìm đắm trong giai điệu ngọt ngào của bài hát *Rừng Na-uy*. Và rồi chính không- thời gian đầy cảm xúc đó đã đưa nhân vật về với những ký ức, những kỷ niệm của mùa thu năm 1969, thời điểm của “những mất mát trong cuộc đời”. Không gian của *Rừng Na-uy* hiện ra mờ ảo, ở đó con người có sự giao cảm với đất trời, với con người, nhưng chính trong cái mờ ảo của đất trời ấy con người càng trở nên bé nhỏ và cô đơn hơn. Tuy nhiên, không- thời gian hiện tại trong *Rừng Na-uy* chỉ hiện lên vừa đủ để hoàn thành vai trò giới thiệu, dẫn dắt đồng thời làm chất xúc tác để không - thời gian khác xuất hiện, đó chính là không- thời gian quá khứ. Tuy điểm xuất phát của các nhân vật là thực tại nhưng điểm họ quay về tìm kiếm bản chất sự sống lại là quá khứ. Có thể nói, thời gian quá khứ trong truyện chính là thời gian chứa đựng nhiều biến cố trọng đại, là thời gian cất giấu những bí mật sâu xa nhất của nhân vật, nơi mà nhân vật khát khao tìm

về, khát khao được đắm chìm để quên đi nỗi cô đơn hiện tại. Với *Rừng Na-uy*, không - thời gian quá khứ trở thành không gian chủ đạo khi toàn bộ câu chuyện là những kỷ niệm thuở trai trẻ của nhân vật chính. Từ không gian của nước Đức xa xôi, khi nghe bài hát *Rừng Na-uy*, Toru lại hồi tưởng về quá khứ nơi chứa đựng một tình yêu không trọn vẹn của anh với Naoko, và đây cũng chính là người đầu tiên hiện về trong kí ức của anh. Cùng với mối tình Naoko - Toru, hàng loạt những sự kiện, chi tiết hiện ra trong một không - thời gian quá khứ. Tuy nhiên, đó không còn là không - thời gian riêng lẻ của một Toru lạc lõng giữa cuộc đời mà là không - thời gian của nhiều con người với nhiều số phận khác nhau: Naoko yếu đuối, mong manh; Midori đầy nghị lực, cá tính; Nagasawa phóng đãng, bất cần; Reiko tài năng, tốt bụng... Mỗi người mỗi cá tính, mỗi số phận song họ lại gặp nhau ở chỗ đều là những con người dị biệt và cô đơn, khao khát đi tìm bản ngã giữa những bộn bề tha nhân, khao khát tìm kiếm chân lí cuộc sống ngay trong những thời khắc đau đớn và tuyệt vọng nhất của cuộc đời. Quá khứ mà Toru tìm về không mang những hoài niệm ngọt ngào mà đó là quãng thời gian đau buồn nhất của anh. Khoảnh khắc “một chiều tháng Năm đẹp trời” tại một không gian chứa chiếc N - 360 màu đỏ của Kizuki, nơi được Kizuki chọn để chấm dứt cuộc đời của mình đã trở thành nỗi ám ảnh khôn nguôi đối với Toru và Naoko, chi phối mọi suy nghĩ, hành động của hai nhân vật này. Tình yêu của họ luôn phải đối diện với nỗi đau từ quá khứ khiến Naoko, vì không thể vượt qua những ám ảnh đó, đã tự tìm đến cái chết trong rừng sâu. Trong sự đồng vọng của nhân vật Toru, mỗi nhân vật cũng tồn tại tại một quá khứ cho riêng mình về câu chuyện xảy ra trong gia đình, về một tình yêu xưa cũ hay một đổ vỡ đầy ám ảnh trong đời sống tinh thần... Những câu chuyện đan cài, lồng ghép và bổ khuyết cho nhau nhằm khắc họa một thực tại Nhật Bản hiện đại đầy những bộn bề. Con người sống trong những thế giới đầy cô đơn, gần như biệt lập hoàn toàn với cuộc sống bên ngoài.

Chịu sự chi phối mạnh mẽ của thủ pháp dòng ý thức, bên cạnh không - thời gian hiện tại và quá khứ, hiện diện một không - thời gian đặc biệt quan trọng đó là không - thời gian tâm tưởng, đồng hiện. Đây được xem là không - thời gian có sức ảnh hưởng lớn đối với đời sống tâm lý nhân vật. Khi con người không bằng lòng với hiện tại, đau khổ với hiện tại họ lại lần tìm về quá khứ, từ đó không gian tâm tưởng hiện ra như vỗ về, xoa dịu họ. Khác với không gian bối cảnh là không gian bên ngoài, không gian hiện tại, biểu hiện ngay trước mắt nhân vật, “không gian tâm tưởng xuất hiện bên trong nhân vật, trong tâm trạng của người kể chuyện hoặc xuất hiện vào những lúc người kể hướng ra cuộc sống bên ngoài do sự thúc đẩy từ cuộc sống bên trong” [2; tr. 178]. Không gian tâm tưởng có vai trò đặc biệt quan trọng đối với những người có đời sống nội tâm phức tạp như Naoko, Toru, Midori... và nó gắn liền với sự bất hợp lý về mặt logic thời gian. Nhân vật luôn mong muốn được nấu mình trong không gian tâm lý do mình tạo ra, do đó thời gian được sắp xếp theo tính chủ quan của nhân vật và gắn với thời gian của quá khứ. Ca khúc *Rừng Na-uy* đã trở thành chất xúc tác để kí ức của Toru trở về nhanh

chóng và thật đến mức nhân vật có thể “người thấy cả mùi cỏ, cảm thấy gió mơn man trên mặt, nghe thấy tiếng chim kêu”, “Mười tám năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn có thể nhớ lại từng chi tiết của ngày hôm đó trên đồng cỏ. Được tắm rửa sạch sẽ bởi những ngày mưa nhẹ nhàng mùa hạ, những rừng núi xanh thẳm như rõ ràng hằn lên. Làn gió nhẹ thoảng Mười thổi đưa những ngọn cỏ trắng cao lút đầu người. Một dải mây dài lững lờ vắt ngang vòm trời xanh im phăng phắc.” [3; tr. 9]. Không- thời gian tâm tưởng dù chứa đựng những gai góc, đắng cay đến đâu nhưng đó vẫn luôn là nơi mà người ta mong muốn được tìm về trong những mệt mỏi, cô độc của hiện thực.

Thủ pháp dòng ý thức trong *Rừng Na-uy* giúp không - thời gian được xuất hiện một cách linh hoạt, đa chiều nhằm lột tả sâu sắc những quất quay của nhân vật. Trước sự cô đơn, chênh vênh trong đời sống tinh thần, con người đã tạo ra nhiều không gian để hướng tới nhằm giải tỏa những bế tắc, bất lực đồng thời tìm nơi xoa dịu cho những tổn thương do hiện thực mang lại.

## 2.2. Ngôn ngữ độc thoại nội tâm

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, “Độc thoại nội tâm là lời phát ngôn của nhân vật với chính mình, thể hiện tiếp quá trình tâm lí nội tâm, mô phỏng hoạt động cảm xúc, suy ngẫm của con người trong dòng chảy trực tiếp của nó...” [2; tr. 106]. Khác với văn chương truyền thống thường đặt ngôn ngữ độc thoại nội tâm vào trong các ngữ cảnh cụ thể, lớp nhà văn hiện đại tiếp thu các kỹ thuật sáng tác của phương Tây, đặc biệt là thủ pháp dòng ý thức, vì thế độc thoại nội tâm được đặt trong chính dòng ý thức của nhân vật. Ảnh hưởng đặc điểm của dòng ý thức, do đó, độc thoại nội tâm trong tiểu thuyết luôn đầy mâu thuẫn, rối bời, chấp nối, đứt đoạn. Độc thoại nội tâm là thủ pháp thường được các nhà văn dùng để bộc lộ đời sống nội tâm phong phú, phức tạp của nhân vật. Tuy nhiên, bằng cảm nhận và bút pháp mới mẻ, các nhà văn hậu hiện đại sử dụng độc thoại nội tâm theo cách riêng của mình. Họ tôn trọng ý thức tự nhiên, không dùng quyền năng của mình để can thiệp vào đời sống tâm thức của nhân vật. *Rừng Na-uy* sử dụng khá nhiều độc thoại nội tâm, nó thường xuất hiện khi tác giả muốn diễn đạt tâm trạng phức tạp, đầy tế vi của nhân vật. Tác phẩm có sự hiện diện của ngôn ngữ độc thoại trực tiếp nhưng độc thoại gián tiếp mới là ngôn ngữ được sử dụng chủ yếu. Những dòng độc thoại nội tâm trong *Rừng Na-uy* không chỉ tạo nên chiều sâu tâm trạng cho nhân vật mà nó còn giúp lột tả được hết tình trạng cô đơn, lo âu mà con người phải gánh chịu. Đối diện với cuộc sống hiện đại, họ không tìm thấy niềm vui của cuộc sống mà ngược lại ở đó chỉ tồn tại sự cô đơn, mệt mỏi, buồn chán, do đó họ có xu hướng tìm về với đời sống nội tâm cá thể. Trong *Rừng Na-uy*, đó không chỉ là biểu hiện ý thức trách nhiệm của nhân vật với cuộc sống, với mọi người xung quanh mà đó còn là sự lạc lõng của con người trước cuộc sống khi không thể tìm được một tri âm lắng nghe tiếng lòng mình. Họ phải thường xuyên đối thoại với chính mình để giải tỏa những ẩn chứa trong lòng “Một cái gì đó bên trong tôi đã rơi ra mất, và chẳng gì đến lấp cho tôi chỗ trống ấy trong lòng. Thân thể tôi bỗng nhẹ nhõm bất thường và bất kì âm thanh nào cũng có một tiếng

vọng còn cào đuổi theo.” [3; tr. 74]; Những ẩn ức trong lòng đôi khi trở thành nhu cầu muốn nói thành lời, phát thành tiếng “Giải tán đi. Phá mẹ nó đi. Đập vụn nó ra. Việc đêch gì đến tôi. Có khi thể lại dễ thở hơn chưa biết chừng. Tôi cũng sẵn sàng rồi đây. Nếu cần thì tôi cũng giúp một tay. Cứ việc làm tới đi” [3; tr. 75].

Bằng những độc thoại nội tâm, bề sâu tâm hồn nhân vật dần dần được khai mở. Hình thức độc thoại được khai thác một cách triệt để nhằm vén màn cho những bí mật đang ẩn chứa trong tâm hồn nhân vật. Nó gọi mở và cố gắng đi đến tận cùng của những thắc mắc, những nghi vấn đang còn chất chứa trong lòng “Thằng bé Kizuki này sự tồn tại của nó có nghĩa gì đối với tôi? Tôi không thể trả lời được câu hỏi đó. Tôi chỉ biết rằng - và tuyệt đối chắc chắn - cái chết của Kizuki đã mãi mãi lấy đi một phần tuổi mới lớn của tôi. Nhưng điều đó có ý nghĩa gì, và hậu quả của nó ra sao, thì tôi không thể tìm hiểu được” [3; tr. 143]. Để có thể xoáy sâu, bộc lộ rõ nét đời sống bên trong tâm hồn nhân vật, H. Murakami đã vận dụng rất nhiều đến những chi tiết độc thoại nội tâm. Nó giúp câu chuyện có được sự sinh động và chiều sâu của sự biểu hiện. Mặt khác, độc thoại nội tâm thể hiện tình thế cô đơn đến cực độ của nhân vật khi mà mọi nỗ lực giao tiếp với tha nhân dường như là vô vọng. Do vậy, để giao tiếp, họ chọn cách chủ động “đối thoại” với chính mình, có thể họ mới có cơ hội phát biểu thành lời những trăn trở, suy nghĩ của bản thân. Tìm hiểu ngôn ngữ độc thoại nội tâm chính là cách thức giúp người đọc hiểu rõ hơn dòng ý thức của nhân vật qua đó nắm bắt được chiều sâu nội tại đang diễn ra hết sức phức tạp trong nhân vật. Độc thoại nội tâm giúp thế giới bên trong của nhân vật được thể hiện một cách rõ ràng với một hiệu quả cao, sâu sắc và hết sức tinh tế. Nếu đối thoại là hình thức phát ngôn để hướng tới sự giao tiếp, đồng điệu với tha nhân thì độc thoại nội tâm là hình thức tìm sự giao tiếp với chính bản thân mình, là cách thức để con người hiện sinh giải tỏa những cô đơn, tủi nhục đang ẩn chứa trong lòng.

### **2.3. Thủ pháp “cắt dán”, “ghép mảnh”**

Cốt truyện được xem là phương tiện cơ bản để nhà văn khắc họa nhân vật và chuyển tải những ý đồ nghệ thuật của cá nhân. Do yêu cầu về tính đơn nhất, riêng biệt nên các nhà văn không ngừng tự làm mới cốt truyện, tạo nên những kết cấu sáng tạo độc đáo nhằm giúp họ bộc lộ một cách hiệu quả nhất quan niệm nghệ thuật của mình về con người, cuộc sống, từ đó tạo nên hấp lực riêng đối với tác phẩm của mình. Văn học hiện đại thường hướng con người đến khả năng tự bộc lộ cảm xúc thông qua những dòng suy nghĩ, ký ức của bản thân do đó, nếu tuân theo kiểu cấu trúc truyền thống tác phẩm sẽ thiếu chặt chẽ, khó thuyết phục người đọc. Điều này đòi hỏi các nhà văn hiện đại phải tạo cho cốt truyện một phương thức biểu đạt mới và cách mà họ làm đó là “cắt dán, phân mảnh” cốt truyện, tạo nên một cấu trúc lắp ghép rời rạc, lộn xộn, phi logic.

Kết cấu phân mảnh là kiểu kết cấu được tạo nên từ hệ thống các mảng có tính độc lập tồn tại bên cạnh nhau. Mỗi mảnh ghép được xây dựng không theo một nguyên tắc bất biến nào về không gian, thời gian hay quy luật nhân quả. Nhìn bề ngoài, người đọc có

cảm giác đó chỉ là sự lắp ghép đầy ngẫu hứng của những mảnh, những lớp riêng rẽ, thế nhưng đi khám phá bề sâu tác phẩm, chúng ta sẽ nhận thấy đó là sự lắp ghép hoàn toàn hữu ý và mang tính nghệ thuật cao nhằm chuyển tải đến người đọc những thông điệp ý nghĩa về cuộc đời và con người đã được nhà văn trải nghiệm và ghi chép lại. “Cắt dán, phân mảnh” là thủ pháp mang đậm dấu ấn của các nhà văn theo chủ nghĩa hậu hiện đại. Vượt lên những khuôn mẫu sẵn có của văn chương truyền thống, các nhà văn hậu hiện khát khao được thể hiện tư tưởng của mình theo một phương thức biểu đạt mới, mang tính toàn cầu. Và họ hướng đến sự chia mảnh, phân nhỏ cốt truyện để có thể len lỏi vào những tầng sâu tâm thức của con người, từ đó soi chiếu nó dưới lăng kính đa màu sắc. Điều này đã được Murakami thể hiện thành công trong tiểu thuyết *Rừng Na-uy*.

Để thể hiện hành trình đầy cam go của con người tìm về với bản năng trong những bộn bề, phức tạp, đa chiều của cuộc sống, nhà văn cố ý phân rã cốt truyện thành nhiều tuyến khác nhau. Đặc điểm chung của dòng chảy tâm thức là không phụ thuộc vào trật tự logic về mặt không gian, thời gian do đó, sự kiện thường bị đứt gãy, bị ngắt quãng, bị chêm xen. Trong quá trình sáng tác *Rừng Na-uy*, Murakami đã cố ý bỏ qua tính nhất quán của cốt truyện, phân rã nó mà không cần để ý đến sự hiện diện của bối cảnh và đặc biệt chú ý đến việc làm mờ nhòe ranh giới của không gian, thời gian, hòa trộn giữa cái hư ảo và thực tại khiến độc giả không thể phân định được đâu là hư, đâu là thực. Sự đảo lộn trật tự về mặt thời gian trong *Rừng Na-uy* thể hiện ở những dòng hồi ức không thể đoán định trước của Toru. Mở đầu dòng ký ức là hình ảnh của đồng cỏ dịu mát và câu chuyện của hai người về cái giếng đồng. Sau hồi ức ấy, quá khứ lần lượt hiện về. Murakami không đưa cốt truyện của mình phát triển theo một trật tự logic khách quan và trật tự tuyến tính vẫn thường thấy mà câu chuyện trôi dài theo dòng chảy tâm thức, các sự kiện xuất hiện một cách ngẫu nhiên, dường như không liên quan gì đến nhau: cái chết của Kizuki, chuyện về Quốc Xã, chuyện về Nagasawa, về Midori... mỗi chuyện là một mảnh kí ức, trong đó dòng ký ức của nhân vật Toru đóng vai trò là sợi dây liên kết giữa các mảnh hiện thực chắp nối trong tác phẩm. Cốt truyện của *Rừng Na-uy* được xây dựng theo thủ pháp dòng ý thức do đó, cấu trúc không gian, thời gian, những biến động tâm lí, ... đều được tái hiện thông qua dòng hồi tưởng của nhân vật. Sự can thiệp mang tính lý trí, chủ quan của tác giả dường như đều bị vô hiệu hóa. Theo Giáo sư Trần Đình Sử “Tác phẩm nghệ thuật hậu hiện đại điển hình nhất là tùy tiện, đa trị, lai ghép, lệch tâm, dễ thay đổi, ngưng đọng, hết như một mô phỏng” [4; tr. 201]. Sự phân rã cốt truyện có thể khiến người đọc khó theo dõi, nắm bắt nhưng có như vậy, nhà văn mới có thể lột tả và phản ánh đầy đủ về cuộc sống tối tăm, cùn mòn, thiếu sinh khí của nhân vật. Khoảng thời gian hai mươi năm đủ để khiến con người quên đi những gì không đáng nhớ, vì vậy khi có sự gợi mở của hiện tại, ký ức hiện lên khó mà đoán định được trật tự sau trước. Nhà văn đã kịp chớp lấy những khoảnh khắc mong manh, mơ hồ đó để đưa vào tác phẩm. “Cắt dán, ghép mảnh” là thủ pháp cơ bản mà các nhà văn hậu hiện đại thường dùng để tạo thành những quãng chắp nối tưởng chừng vu vơ nhưng đầy dụng ý trong nỗ lực thể hiện triết lí về con người bản năng của nhà văn.

Cốt truyện trong các tiểu thuyết của Murakami thường được xây dựng theo kiểu “truyện lồng trong truyện” và *Rừng Na-uy* không phải là trường hợp ngoại lệ. Việc xáo trộn trật tự trước sau của cốt truyện đã làm xuất hiện những câu chuyện nhỏ riêng biệt, độc lập. Chính sự độc lập tương đối này khiến người đọc có cảm giác nhân vật đang đưa ra một mớ hỗn độn của ký ức, thiếu tính logic, chặt chẽ, dẫn đến cảm giác kết cấu truyện rất lỏng lẻo. Nhưng rõ ràng đó là sự lỏng lẻo đầy chủ ý. Cuốn tiểu thuyết là sự lồng ghép, đan cài giữa các câu chuyện nhỏ trong một câu chuyện lớn. Mỗi câu chuyện nhỏ đóng vai trò kiến tạo nên câu chuyện lớn thông qua sự móc nối của dòng chảy tâm thức. *Rừng Na-uy* được xây dựng dựa trên sự tồn tại tương đối độc lập của từng cá thể, trong đó sự tương giao giữa các nhân vật gần như bị thủ tiêu hoặc nếu có sự tương giao thì nó chỉ xảy ra trong một phạm vi đủ để nhân vật nhận biết sự tồn tại của mình trong cuộc sống. Đầu tiên có thể kể đến câu chuyện của bộ ba Toru – Kizuki – Naoko. Mỗi quan hệ này khó phân định vai trò chính phụ của nhân vật khi sự hợp nhất giữa bộ ba này đã kiến tạo nên một tình bạn cao đẹp và một tình yêu thuần khiết. Tuy nhiên mỗi quan hệ này chỉ tồn tại trong một khoảng thời gian ngắn ngủi khi Kizuki- người có vai trò kết nối hai nhân vật còn lại tự tìm đến cái chết. Cái chết của cậu bạn Kizuki đã khiến người còn sống mang một vết thương trong lòng không bao giờ nguôi ngoai, và cuối cùng, vì không thể thoát ra vùng ký ức mờ tối đó, Naoko cũng tự kết liễu đời mình, trốn thoát những ám ảnh giằng vò luôn nhức nhối trong lòng. Mỗi quan hệ tay ba này, hay là chuyện ba người trở thành sợi chỉ xuyên suốt tác phẩm, từ đó làm xuất hiện những câu chuyện nhỏ khác nhau. Sau cái chết của Kizuki, Naoko và Toru tìm đến với nhau trong sự đồng cảm của hai tâm hồn bị tổn thương và rồi giữa họ nảy sinh tình yêu. Trong câu chuyện tình yêu này xuất hiện nhân vật thứ ba là Midori. Ba nhân vật Naoko – Toru – Midori lại tạo thành một câu chuyện nhỏ. Trong mỗi quan hệ này, bản thể trong Toru bị phân thành hai nửa, một nửa dành cho tình yêu của một cô gái mỏng manh yếu đuối, một nửa dành cho tình yêu của một cô gái khỏe mạnh, yêu đời. Mỗi bên đáp ứng một phần bản ngã trong anh, là điều mà anh khát khao tìm kiếm, cho nên trong một thời gian dài anh đã không thể tìm được câu trả lời cho mối quan hệ phức tạp này. Naoko là giấc mơ mà Toru đeo đuổi suốt quãng thời gian tuổi trẻ của mình, trong khi đó tình yêu với Midori là cái đang hiện hữu trước mắt, là hiện thân của hiện tại có thật. Và cuối cùng, Toru đã trao quyền quyết định cho con người bản năng trong anh. Sau những vật vờ, đau khổ vì cái chết của Naoko, Toru quyết định trở về bên Midori để viết tiếp những giấc mơ hạnh phúc còn dang dở. Trải qua những biến cố của cuộc đời, anh chợt nhận ra rằng, thế giới này dù gai góc, nghiệt ngã đến đâu con người vẫn còn có một nơi trú ngụ an toàn, ấm áp đó là tình yêu. Ngoài ra, có thể kể thêm những quan hệ khác như Toru – Nagasawa – Hatsumi, Toru – Naoko – Reiko, Toru – Naoko – Quốc xã... Mỗi mối quan hệ như thế là một câu chuyện nhỏ với đầy đủ các yếu tố tạo nên một cốt truyện hoàn chỉnh, góp mặt vào cốt truyện lớn của *Rừng Na-uy*. Sự đồng hiện của nhiều cảnh tượng, nhiều số phận, nhiều cuộc đời trong tâm tưởng của Toru giúp anh có cái nhìn đa chiều, tổng quát về sự vật, từ đó tìm ra chân tướng của hiện thực, bản ngã của con người.

Murakami đã khéo léo xây dựng cốt truyện theo hình thức phân mảnh, cắt rời các sự kiện dựa trên mối quan hệ nội tại của các hiện tượng. Do đó, sự “xáo tung cốt truyện” của tác giả vẫn tạo được sức hút đối với độc giả, buộc họ phải đồng hành cùng tác giả đến tận cùng của câu chuyện. Dấu ấn của chủ nghĩa hậu hiện đại in đậm trong đặc điểm về kết cấu cốt truyện của Murakami. Chúng ta có thể bắt gặp kiểu hình thức tổ chức kết cấu cốt truyện như thế này trong một số tiểu thuyết khác của Murakami như *Người tình Sputnik*, *Phía nam biên giới phía tây mặt trời*, *Kafka bên bờ biển*... Từ đó có thể thấy “cắt dán, ghép mảnh” trở thành một thủ pháp tiêu biểu trong phong cách tiểu thuyết của Murakami. Sự phân rã và lồng ghép nhiều cốt truyện vào nhau trong một cốt truyện lớn giúp nhà văn bóc tách, len lỏi vào những góc độ nhỏ nhất, tế vi nhất và nhìn vấn đề trong tính đa chiều, đa diện nhằm khám phá đời sống trong một bản chất thật nhất, trọn vẹn nhất. Từ đó soi chiếu hiện thực một cách toàn diện và sâu sắc, đồng thời những manh mún trong cốt truyện thể hiện một hiện thực khác của xã hội cơ giới, đó là sự phân rã quan hệ giữa con người với con người, con người và xã hội. Mỗi cá thể là một ốc đảo trong xã hội hiện đại Nhật Bản, con người mất khả năng tương thông lẫn nhau, không thể hiểu và gần gũi nhau, từ đó họ đánh mất niềm tin vào tương lai, vào cuộc sống.

### 3. KẾT LUẬN

Ngoài những thủ pháp nghệ thuật nói trên, chúng ta cũng có thể thấy sự góp mặt của các yếu tố huyền ảo, những biểu tượng, ẩn dụ mang bút pháp hậu hiện đại... Ảnh hưởng sâu sắc của tiểu thuyết phương Tây, *Rừng Na-uy* được xây dựng không tuân theo các nguyên tắc truyền thống. Đó chỉ là sự phản chiếu thực tại xã hội theo cách riêng của ông với những ngồn ngang, vụn vỡ của đời sống tâm lý con người trước xã hội cơ giới máy móc lạnh lùng. Sự can thiệp ngày càng nhiều của máy móc, kỹ thuật khiến cuộc sống con người trở nên bí bách, ngột ngạt, cô đơn. Con người sống trong sự vật lộn với những mâu thuẫn từ bên trong và áp lực từ bên ngoài. Bằng cảm quan của một nhà văn có cái nhìn sâu sắc về thời đại, H. Murakami thực sự đã rất thành công trong việc tái hiện những áp lực thời hậu hiện đại trong tác phẩm của mình. Theo Từ điển Bách khoa Columbia (ấn hành năm 2000), Haruki Murakami là nhà văn “được công nhận là một trong những tiểu thuyết gia của thế kỷ XX quan trọng nhất của Nhật Bản”. Với *Rừng Na-uy*, ông đã vượt ra khỏi mĩ quan truyền thống Nhật Bản cùng những sáng tạo mới mẻ, sử dụng nhiều hình tượng cụ thể để diễn tả nội tâm và tiềm thức của con người mất phương hướng trong xã hội đô thị hiện đại. Murakami đã mang đến cho người đọc bức tranh toàn cảnh về xã hội hiện đại Nhật Bản thế kỉ XX với những đổ vỡ, hoang phế trong tâm hồn mỗi con người, qua đó thể hiện tính nhân văn sâu sắc và trách nhiệm trước thời đại của nhà văn.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Tuấn Ảnh, Lại Nguyên Ân, Nguyễn Thị Hoài Thanh (sưu tầm, biên soạn, 2003), *Văn học hậu hiện đại thế giới, những vấn đề lý thuyết*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [2] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên, 2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Murakami.H (2006), *Rừng Na-uy*, Trịnh Lữ dịch, Nhã Nam và Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
- [4] Trần Đình Sử (chủ biên, 2007), *Tự sự học - một số vấn đề lý luận và lịch sử*, tập một, Nxb Đại học Sư phạm.

## SOME ASPECTS ART CHARACTERISTIC IN “NORWEGIAN WOOD” NOVEL BY HARUKI MURAKAMI

**Abstract.** *By organoleptic art of a modern writer, Murakami put into “Norwegian Wood” Western advanced composing techniques with dense appearance of technique stream of consciousness, interior monologue, cutting and pasting, mosaic, fanciful elements, symbols, metaphors with postmodern style ... These artistic methods are useful means which help author discover complicated and delicate character’s soul deeply.*

**Keywords:** *Haruki Murakami, Norwegian Wood, post-modern*



## **BẢN TIN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **Hội thảo khoa học quốc tế về các hệ thống thông tin và dữ liệu thông minh (ACIIDS 2016)**

Trong các ngày 14-16 tháng 3 năm 2016, Hội thảo quốc tế về các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thông minh lần thứ 8 (ACIIDS 2016) được tổ chức tại Đà Nẵng, do Trường Đại học Bách khoa Wrocław (Ba Lan), Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin Hữu nghị Việt– Hàn, Hiệp hội Kỹ thuật IEEE Systems- Man-Cybernetics, Bộ Khoa học và Giáo dục Ba Lan, Trường Đại học Quảng Bình, Trường Đại học Tôn Đức Thắng và Trường Đại học Binus Indonesia phối hợp tổ chức. Trường Đại học Quảng Bình có PGS.TS. Hoàng Dương Hùng, Hiệu trưởng tham dự phiên khai mạc; TS. Hoàng Văn Dũng và TS. Phạm Xuân Hậu tham dự và trình bày báo cáo.

ACIIDS là hội thảo khoa học thường niên GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thành, Trường Đại học Bách khoa Wrocław (Ba Lan), thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường Đại học Quảng Bình sáng lập và tổ chức, với mong muốn tạo môi trường tốt để các nhà nghiên cứu trẻ Việt Nam có điều kiện tiếp xúc với các nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin trên thế giới và có cơ hội trình bày và trao đổi các kết quả nghiên cứu của mình.

### **Seminar khoa học “Các chương trình tài trợ nghiên cứu khoa học và cách thức tiếp cận”**

Nhân dịp GS.TSKH. Nguyễn Ngọc Thành (Trường Đại học Bách khoa Wrocław – Ba Lan) về nước tổ chức Hội thảo quốc tế về các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu thông minh (ACIIDS 2016), sáng ngày 09 tháng 3 năm 2016 Trường Đại học Quảng Bình phối hợp với Giáo sư tổ chức seminar khoa học “Các chương trình tài trợ nghiên cứu khoa học và cách thức tiếp cận”.

Tham dự seminar có cán bộ, giảng viên, phần lớn là giảng viên trẻ của Nhà trường. Báo cáo viên là những nhà khoa học tâm huyết, có kinh nghiệm và có nhiều công trình nghiên cứu tốt. GS. TSKH. Nguyễn Ngọc Thành giới thiệu về một số chương trình tài trợ nghiên cứu khoa học của Châu Âu và cơ hội của các nhà nghiên cứu tại Việt Nam. TS. Nguyễn Khắc Thái, Hội Di sản văn hóa Việt Nam tỉnh Quảng Bình trình bày báo cáo “Khoa học xã hội và một số vấn đề cần quan tâm nghiên cứu ở miền Trung Việt Nam”. PGS. TS Nguyễn Đức Vượng, Khoa Kỹ thuật – Công nghệ chia sẻ “Kinh nghiệm xây dựng thuyết minh đề tài/dự án KHCN” và TS. Hoàng Văn Dũng, Phòng Đào tạo báo cáo về “Cộng tác trong NCKH và đăng ký đề tài NAFOSTED”.

Buổi sinh hoạt khoa học này là dịp để cán bộ, giảng viên và các nhà khoa học thảo luận về các lĩnh vực, các chủ đề cần quan tâm nghiên cứu, cơ hội tiếp cận các chương trình tài trợ NCKH trong và ngoài nước cũng như chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong việc thực hiện đề tài/dự án khoa học công nghệ, thiết thực góp phần thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

## **Hội thảo khoa học: “Khoa học xã hội và văn hóa Phật giáo Bắc Miền Trung - Tiềm năng và định hướng nghiên cứu”**

Sáng ngày 25 tháng 3 năm 2016, Trường Đại học Quảng Bình phối hợp với Phân viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam tại Huế và Trung tâm Văn hóa Phật giáo Liễu Quán - Huế tổ chức hội thảo khoa học “Khoa học xã hội và văn hóa Phật giáo Bắc Miền Trung - Tiềm năng và định hướng nghiên cứu”.

Tham gia Hội thảo có các nhà khoa học thuộc nhiều ngành khoa học khác nhau như lịch sử, triết học, thần học, văn hóa, du lịch, nhân học, địa lý, văn học, kinh tế, quản lý,... Nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa đặc sắc của Quảng Bình và Bắc Miền Trung, các nhà khoa học đã công bố một số kết quả nghiên cứu mới về di sản văn hóa Phật giáo trên địa bàn Quảng Bình nói chung và lưu vực sông Gianh nói riêng qua các đợt khảo cứu trong năm 2015-2016 dưới nhiều góc độ và phương pháp tiếp cận; Hội thảo cũng dành thời gian để các đơn vị, các nhà khoa học chia sẻ thông tin, kinh nghiệm hoạt động khoa học và những hướng nghiên cứu mới; quan điểm, phương pháp, phối hợp xây dựng và thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Hội thảo đã đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi các nhà khoa học, các nhà quản lý phải cùng nhau tìm ra các biện pháp gìn giữ, khai thác những giá trị của di sản văn hóa nói chung, văn hóa Phật giáo nói riêng - nguồn tài nguyên quý giá để phát triển du lịch Quảng Bình và Bắc Miền Trung.

### **GS. TSKH. Hoàng Xuân Phú giảng bài cho giảng viên, sinh viên và giới thiệu học bổng của Quỹ Alexander Von Humboldt, Đức**

Ngày 25 tháng 3 năm 2016, GS.TSKH. Hoàng Xuân Phú - Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã có bài giảng "Ánh sáng - Cầu nối Toán học và Vật lý" tại Trường Đại học Quảng Bình. Bằng kiến thức hình học sơ cấp, định luật phản xạ và khúc xạ ánh sáng, với sự phân tích thấu đáo, sự lựa chọn hình ảnh trực quan, sinh động, Giáo sư đã làm cho người nghe rất thú vị về mối liên hệ vô cùng chặt chẽ giữa Toán học và Vật lý. Toán học giúp giải quyết những vấn đề của Vật lý, còn Vật lý là động lực cho sự phát triển của Toán học.

GS.TSKH. Hoàng Xuân Phú là Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới – vì sự tiến bộ của các nước đang phát triển, Viện sĩ thông tấn của Viện Hàn lâm Khoa học Heidelberg, Viện Hàn lâm Khoa học Bavaria, Tổng biên tập của tạp chí Vietnam Journal of Mathematics và là Đại sứ khoa học của Quỹ Alexander von Humboldt. Trong dịp này, GS. Hoàng Xuân Phú cũng đã có buổi giới thiệu học bổng của Quỹ Alexander Von Humboldt, Đức cho các cán bộ giảng viên trẻ của Trường.

**THÔNG BÁO**  
**VỀ HỘI THẢO KHOA HỌC**  
**“GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT**  
**VÀ GIÁO DỤC NGÔN NGỮ TRONG NHÀ TRƯỜNG”**

Nhân dịp kỉ niệm 50 năm nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng phát động phong trào “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt” (1966-2016) và 10 năm thành lập Trường Đại học Quảng Bình (2006-2016), Trường Đại học Quảng Bình, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Viện Ngôn ngữ học sẽ phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học toàn quốc với chủ đề “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và Giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường”.

1. *Mục đích của Hội thảo* là “Khẳng định, đề cao vai trò, vị thế của tiếng Việt - ngôn ngữ chính thức của nước Việt Nam thống nhất, đã có lịch sử hàng ngàn năm nay - trong bối cảnh mở cửa và hội nhập cùng thế giới; đồng thời đưa ra các định hướng cho việc giữ gìn và phát triển của tiếng Việt cho hiện tại và trong tương lai, đặc biệt là phục vụ cho việc trau dồi ngôn ngữ và giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường”.

2. *Thời gian*: 8-6-2016.

3. *Địa điểm*: Trường Đại học Quảng Bình.

4. *Đối tượng tham gia*: Những người nghiên cứu, giảng dạy và yêu thích Ngôn ngữ học và tiếng Việt trên khắp mọi miền đất nước.

5. *Nội dung chính*:

+ *Những vấn đề liên quan tới tiếng Việt nói chung*: Nguồn gốc và Lịch sử tiếng Việt và chữ Việt; Ngữ âm, Từ vựng, Ngữ pháp tiếng Việt (ở mọi cấp độ); Tiếng Việt và Tiếng Việt Văn hóa; Vị thế của tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia và ảnh hưởng trên trường quốc tế, v.v.

+ *Những vấn đề liên quan tới việc Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt*: Về các khái niệm “bản sắc ngôn ngữ”, “trong sáng ngôn ngữ”, “sự trong sáng của tiếng Việt”,...; Tiếng Việt truyền thống và những yếu tố cần phải giữ gìn đối với tiếng Việt hiện đại, v.v.

+ *Thành tựu của xã hội và của giới Việt ngữ học trong việc hưởng ứng phong trào “Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt”* do nguyên Thủ tướng Phạm Văn Đồng phát động trong 50 năm qua: trong giao tiếp hằng ngày, trong nhà trường, trong báo chí - truyền thông, v.v.

+ *Những vấn đề liên quan tới việc giáo dục ngôn ngữ và giảng dạy tiếng Việt trong nhà trường, đặc biệt là trong trường phổ thông*.

6. *Quy cách báo cáo*: Bản tóm tắt báo cáo từ 150-200 từ, toàn văn báo cáo từ 3.000 đến 5.000 từ, dùng phông chữ Unicode, kiểu chữ Times New Roman, cỡ chữ 13-14; Các sơ đồ bảng biểu phức tạp và minh họa xin gửi kèm file ảnh (hoặc kèm bản định dạng PDF). Cuối mỗi báo cáo xin ghi rõ các thông tin cá nhân (bút danh, tên thật, học hàm, học vị, nơi công tác, địa chỉ, số ĐT, email...) để tiện liên hệ.

7. *Thời hạn nhận báo cáo*: Toàn văn: 1-5-2016, địa chỉ: Văn phòng Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Tầng 1 Nhà C, Ngõ 301 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Hà Nội; ĐT (04)37624212; Email: hoithaonguhoc2016@gmail.com.

